

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2022

*“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly
hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Niên;

2. Ông Nguyễn Đức Điền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Nguyễn Đức A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh A vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh T và anh Nguyễn Đức A kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cao Lãnh ngày 26/02/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo làm ăn. Đầu năm 2020, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay chị Bùi Thị Thanh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/8/2010 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/5/2013. Hiện nay, các con chung đang sống cùng anh A.

Trước đây tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2021, cũng như tại biên bản hòa giải ngày 23/3/2022, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thanh N khi ly hôn, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi ý kiến. Chị T đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thanh N để anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia A sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức A: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh A cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các A liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các A liệu, chứng cứ như sau:

1. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Nguyễn Đức A với Bùi Thị Thanh T;
2. Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thanh V;
3. Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thanh N;

Các A liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 23/3/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Bùi Thị Thanh T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Nguyễn Đức A đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Nguyễn Đức A đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cao Lãnh ngày 26/02/2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị T và anh A phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị T và anh A không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, nhưng hai bên cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh A đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về nuôi con: Chị T và anh A có 02 con chung, tên là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/8/2010 và Nguyễn Thanh N, sinh ngày 12/5/2013 đang sống cùng anh A.

Khi ly hôn, Chị T đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thanh N để anh A tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu V và cháu N đang chung sống với anh A ổn định, việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tâm lý và sự phát triển con chung. Hơn nữa cháu V và cháu N có nguyện vọng tiếp tục sống với anh A. Phía anh A không có ý kiến về việc nuôi con. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh A tiếp tục nuôi 02 con chung sau khi ly hôn là phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu V và cháu N theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T.

Chị T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A được tiếp tục nuôi 02 con tên Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thanh N sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong vụ án này, anh A không đến phiên tòa cũng không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Trường hợp, anh A có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về chia A sản khi ly hôn và về nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007235 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh T.

1.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Đức A.

1.2. Về nuôi con và cấp dưỡng: Anh Nguyễn Đức A được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh V, sinh ngày 22/8/2010 và Nguyễn Thanh

N, sinh ngày 12/5/2013. Chị Bùi Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh A không yêu cầu.

Chị Bùi Thị Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia A sản khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007235 ngày 21/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai

Trần Văn Đô